

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 75/2021/HS-ST
Ngày 03-02-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi;

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Võ Hồng Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 41/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2021 đối với:

- Các bị cáo:

1. Nguyễn Văn L, sinh năm: 1976 tại Đồng Nai; cư trú tại: khu phố NH, phường HH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Nh (đã chết) và bà Cao Thị B; có vợ là Mai Thị Tuyết Ng (đã chết) và chưa có con. Hiện tại, bị cáo đang sống chung như vợ chồng với chị Lâm Thị Tuyết M; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 309/HSST ngày 27/10/1998, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 2 Điều 198 của Bộ luật hình sự năm 1985;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26 tháng 9 năm 2021 đến nay tại Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu LI, sinh năm: 1984 tại Đồng Nai; cư trú tại: khu phố M, phường TN, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Võ Thị Nh; bị cáo có vợ là Phạm Thị Hoàng O và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 146/2005/HSST ngày 20/04/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 24 tháng tù về các tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c, d, i khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; Tại Quyết định số 28/QĐ-TA ngày 01/06/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa áp dụng xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26 tháng 9 năm 2020 đến nay tại Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1992; cư trú tại: khu phố 2, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Quang Th, sinh năm: 1962; cư trú tại: khu phố 4, phường BL, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1970; cư trú tại: khu phố 3, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền LI, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm Thị Tuyết M, sinh năm: 1976; cư trú tại: khu phố NH, phường HH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Trần Quang Đ, sinh năm: 1983; cư trú tại: khu phố 4, phường TV, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983; cư trú tại: khu phố NH, phường HH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu L là những người không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài, L và LI đã đi trộm cắp tài sản của người khác. Từ ngày 29/6/2020 đến ngày 23/9/2020, L và LI đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ ngày 29/6/2020, L mang theo 01 thanh sắt dài khoảng 30cm đường kính 1,5cm có một đầu được uốn cong, 01 bộ dụng cụ phá khóa (đoản phá khóa) và 01 dao bấm dài 20cm rồi điều khiển xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 59P2-824.89 đi đến khu vực khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa để

trộm cắp tài sản. Khi đi qua dãy phòng trọ tại tổ 15, khu phố 2, phường Trảng Dài thì L phát hiện phòng trọ số 12 của ông Lê Hồng Q thuê ở đang khóa cửa ngoài và không người trông coi nên L đi vào dùng thanh sắt mang theo phá ổ khóa cửa rồi đột nhập vào phòng lấy trộm 01 Tivi hiệu TCL 42 inch và 01 điện thoại di động Iphone 6S. Sau đó, L điều khiển xe mô tô chở số tài sản trên đến khu vực gần ngã tư Tân Phong, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa và bán cho 01 người đàn ông mua đồ điện tử dạo (không rõ họ tên, địa chỉ) được 800.000 đ (tám trăm nghìn đồng). Số tiền này L tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng của vụ án: 01 ti vi hiệu TCL 42 inch và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, do Nguyễn Văn L bán cho 01 người đàn ông mua đồ điện tử dạo (không rõ họ tên, địa chỉ) nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được

Tại bản kết luận định giá số 502/KL-HĐĐGTS ngày 09/11/2020, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: “01 (một) ti vi 42 inch hiệu TCL có giá trị định giá 3.812.727 đồng và 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S có giá trị định giá 1.890.000 đồng. Tổng trị giá 5.702.727đ (Năm triệu bảy trăm lẻ hai nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng)

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị T là em gái của bị cáo Nguyễn Văn L đã bồi thường cho ông Lê Hồng Q 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) và anh Quý không yêu cầu gì khác.

Vụ thứ 02: Khoảng 09 giờ ngày 23/7/2020, L mang theo 01 thanh sắt dài khoảng 30cm đường kính 1,5cm có một đầu được uốn cong, 01 bộ dụng cụ phá khóa (đoản phá khóa) và 01 dao bấm dài 20cm rồi điều khiển xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 59P2-824.89 đi đến khu vực phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa để trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà số 665, tổ 23, khu phố 4, phường Bửu Long của ông Nguyễn Quang Th làm chủ thì L thấy nhà khóa cửa ngoài và không có người trông coi nên L dựng xe ngoài đường và đi vào dùng thanh sắt mang theo bẻ khoen ổ khóa cửa rồi đột nhập vào trong nhà lấy trộm 01 ti vi hiệu Samsung 49 inch, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rado và 01 đồng hồ đeo tay không rõ nhãn hiệu. Sau đó, L điều khiển xe mô tô chở số tài sản trên đến khu vực vòng xoay cầu Hóa An thuộc phường Hóa An, thành phố Biên Hòa và bán cho một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) được 1.400.000 đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền này L tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng của vụ án: 01 ti vi hiệu Samsung 49 inch, 01 đồng hồ đeo tay hiệu RADO và 01 đồng hồ đeo tay không rõ nhãn hiệu do Nguyễn Văn L đã bán cho một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá số 501/KL-HĐĐGTS ngày 09/11/2020, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: “01 (một) tivi 49 inch hiệu Samsung trị giá 7.650.000đ (Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); 02 đồng hồ đeo tay không xác định được chủng loại, model nên không định giá được.”

Về dân sự: Bà Nguyễn Thị T là em gái của bị cáo Nguyễn Văn L đã bồi thường cho ông Nguyễn Quang Th 7.650.000 đồng (Bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và ông Thuận không yêu cầu gì khác.

Vụ thứ 03: Khoảng 13 giờ ngày 23/9/2020, L gọi điện thoại rủ Nguyễn Hữu L cùng đi trộm cắp tài sản thì LI đồng ý. L mang theo 01 thanh sắt dài khoảng 30cm đường kính 1,5cm có một đầu được uốn cong, 01 bộ dụng cụ phá khóa (đoạn phá khóa) và 01 dao bấm dài 20cm rồi điều khiển xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 59P2-824.89 đến khu vực chân cầu Hóa An, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa đón LI. Khi L chở LI đi đến dãy phòng trọ tại tổ 18, khu phố 03, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa thì phát hiện phòng trọ số 03 của anh Nguyễn Thanh H thuê ở đang khóa cửa ngoài, không có người trông coi nên L dừng xe để LI đứng ở ngoài cánh giới còn L lấy thanh sắt mang theo đi vào bể ô khóa phòng trọ rồi đột nhập vào trong phòng lấy trộm 01 Tivi hiệu Samsung 32 inch và 01 loa kéo di động. Sau đó, LI điều khiển xe mô tô chở L ôm số tài sản trên đến cửa hàng sửa chữa máy tính “Minh Quang” tại khu phố 2, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa bán cho ông Trần Quang Đ (là chủ tiệm) được 700.000 đ (Bảy trăm nghìn đồng), L chia cho LI 300.000 đồng, còn lại 400.000 đồng L dùng tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 11 giờ ngày 25/9/2020, L điều khiển xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 59P2-824.89 chở LI đang trên đường đi trộm cắp tài sản đến khu vực đường Đồng Khởi thuộc phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa thì bị Tổ phòng chống tội phạm thành phố Biên Hòa phát hiện và báo Công an phường Tân Phong đến đưa cả hai về làm việc và lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Ngày 26/9/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã bắt, tạm giữ Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu L để điều tra, xử lý.

Vật chứng của vụ án: 01 ti vi hiệu Samsung 32 inch, 01 loa kéo di động Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi và trả lại cho ông Nguyễn Thanh H.

Tại bản kết luận định giá số 427/KL-HĐĐGTS ngày 27/9/2020, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: “01 (một) tivi Samsung 32 inch có giá trị định giá 3.440.000 và 01 (một) loa kéo di động có giá trị định giá 1.860.000 đồng. Tổng trị giá 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng)”.

Về dân sự:

- Ông Nguyễn Thanh H đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

- Ông Trần Quang Đ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 700.000 đ (Bảy trăm nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 59P2-824.89 là tài sản của bà Lâm Thị Tuyết M đang chung sống với Nguyễn Văn L cho L mượn để sử dụng và bà Mai không biết L sử dụng xe mô tô trên để phạm tội.

- 01 bộ dụng cụ mở khóa xe máy (đoạn phá khóa); 01 thanh sắt dài khoảng 30 cm đường kính 1,5cm có 01 đầu được uốn cong và 01 con dao bấm dài 20 cm Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa thu giữ của Nguyễn Văn L.

Đối với ông Trần Quang Đ đã mua lại 01 tivi Samsung 32 inch và 01 loa kéo di động nhưng không biết số tài sản trên là do Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu L phạm tội

mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 60/CT-VKSBBH ngày 12/01/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố:

- Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu L, về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo Khoản 1 Điều 173, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 173 và điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 10 tháng đến 12 tháng tù.

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Văn LI 06 tháng đến 08 tháng Tù.

+ Buộc các bị cáo bồi thường cho ông Trần Quang Đ số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

+ Xử lý vật chứng theo quy định.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lâm Thị Tuyết M trình bày: Bà là người sống chung như vợ chồng với bị cáo L từ tháng 9/2019. Trong quá trình chung sống bà có tiết kiệm được số tiền 50.000.000 đồng. Do L không có xe để đi làm nên ngày 21/10/2019 bà cùng L lên thành phố Hồ Chí Minh gặp một người tên Nguyễn Đắc Huỳnh Anh làm hợp đồng mua bán xe. Do bà không biết chữ, không mang theo chứng minh nhân dân và không biết đi xe nên bà có nhờ L đứng tên làm thủ tục mua xe một chiếc xe mô tô hiệu AirBlede màu sơn đen đỏ có biển số 59P2-824.89 và sau đó bà giao xe cho L làm phương tiện đi làm. Việc L dùng xe đi trộm cắp tài sản thì bà không biết. Nên nay bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe mô tô trên cho bà. Trong thời gian chờ xét xử L có tác động bà tích cực bồi thường cho người có quyền LI, nghĩa vụ liên quan nên bà đã tự nguyện nộp số tiền 700.00 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa để bồi thường cho ông Trần Quang Đ. Bà đồng ý cho luôn L số tiền trên để khắc phục hậu quả; không yêu cầu bị cáo L phải thanh toán lại.

+ Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là em gái của bị cáo Nguyễn Văn L. Trong quá trình thăm nuôi, bị cáo L có tác động tích cực về việc bồi thường thiệt hại cho

các bị hại nên bà đã bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Quang Th số tiền 7.650.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho ông Lê Hồng Q số tiền 5.700.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên là tài sản riêng của L gửi cho bà trước khi L bị bắt. Do đó, tôi không có yêu cầu gì.

- *Lời nói sau cùng*: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Các bị cáo, người bị hại, những người có quyền LI, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại là ông Nguyễn Quang Th và người có quyền LI nghĩa vụ, liên quan là anh Trần Quang Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại ông Lê Hồng Q và ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, lời khai của họ đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử; nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố và tội danh:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản lấy lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 29/6/2020 đến ngày 23/9/2020, Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu L đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

- Ngày 29/6/2020, Nguyễn Văn L trộm cắp của ông Lê Hồng Q 01 Tivi hiệu TCL 42 inch và 01 điện thoại di động Iphone 6S có tổng trị giá là 5.702.727đ (Năm triệu bảy trăm lẻ hai nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng) tại phòng trọ ở tổ 15, khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

- Ngày 23/7/2020, Nguyễn Văn L trộm cắp của ông Nguyễn Quang Th 01 ti vi hiệu Samsung 49 inch; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rado và 01 đồng hồ đeo tay không rõ nhãn hiệu có tổng trị giá là 7.650.000đ (Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tại nhà số 665, tổ 23, khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

- Ngày 23/9/2020, Nguyễn Văn L đã rủ Nguyễn Hữu L trộm cắp của ông Nguyễn Thanh H 01 Tivi hiệu Samsung 32 inch và 01 loa kéo di động có tổng trị giá 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) tại phòng trọ ở tổ 18, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

Nguyễn Văn L là người thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 18.652.727đ (Mười tám triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng).

Nguyễn Hữu LI là người tham gia 01 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng).

- Về tội danh: Từ căn cứ trên, xác định các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 60/CT-VKSBH ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong đời sống của người dân tại các khu dân cư. Các bị cáo đều là những người có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng lại lười lao động; để có tiền tiêu xài mà không phải bỏ sức; các bị cáo bất chấp quy định của pháp luật đã rủ rê nhau lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Trước đó, các bị cáo đã từng bị xét xử về hành vi gây rối trật tự công cộng và tội cố ý gây thương tích nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội.

- Về tính chất đồng phạm: Trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò trước và sau khi phạm tội mà chỉ khi thấy có cơ hội là thực hiện ngay hành vi chiếm đoạt nên xem là đồng phạm giản đơn.

- Về vai trò của từng bị cáo: Bị cáo L có vai trò lớn nhất vừa rủ rê vừa trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, ngoài lần phạm tội cùng với bị cáo LI, L còn thực hiện 02 lần phạm tội khác. Bị cáo LI tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là giúp sức tích cực. Do đó, cần áp dụng quy định của pháp luật về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm được quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự để xử phạt mức án tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Nguyễn Văn L đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại và người có quyền LI, nghĩa vụ liên quan được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo L và LI để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về vật chứng

- 01 ti vi hiệu TCL 42 inch và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, do Nguyễn Văn L bán cho 01 người đàn ông mua đồ điện tử dạo (không rõ họ tên, địa chỉ) nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được.

- 01 ti vi hiệu Samsung 49 inch, 01 đồng hồ đeo tay hiệu RADO và 01 đồng hồ đeo tay không rõ nhãn hiệu do Nguyễn Văn L đã bán cho một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được.

- 01 ti vi hiệu Samsung 32 inch, 01 loa kéo di động Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Thanh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 59P2-824.89 là tài sản riêng của bà Lâm Thị Tuyết M đang chung sống với Nguyễn Văn L cho L mượn để sử dụng và bà Mai không biết L sử dụng xe mô tô trên để phạm tội. Do đó, cần tuyên trả lại cho bà Lâm Thị Tuyết M.

- 01 bộ dụng cụ mở khóa xe máy (đoản phá khóa); 01 thanh sắt dài khoảng 30 cm đường kính 1,5cm có 01 đầu được uốn cong và 01 con dao bấm dài 20 cm là công cụ Nguyễn Văn L dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Bị hại ông Lê Hồng Q, ông Nguyễn Quang Th đã nhận tiền bồi thường của bị cáo L, bị hại ông Nguyễn Thanh H đã nhận lại tài sản bị mất nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Do đó, không đặt ra xem xét.

Đối với ông Trần Quang Đ đã mua lại 01 tivi Samsung 32 inch và 01 loa kéo di động nhưng không biết số tài sản trên là do Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu L phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông Trần Quang Đ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho ông số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng). Xét yêu cầu của ông Đông là có căn cứ nên chấp nhận. Hiện nay, bà Lâm Thị Tuyết M đã nộp thay cho bị cáo L số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 000477 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa, bà Mai xác định bà cho luôn L số tiền trên để khắc phục hậu quả; không yêu cầu bị cáo L phải thanh toán lại.

[7] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng

[8] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của những người có quyền LI, nghĩa vụ liên quan được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận phần phù hợp.

- Phần trình bày của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu LI phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ khoản 1, Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm b, s, Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 9 năm 2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu LI 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 9 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự;

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn L chịu trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Quang Đ số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Hữu LI chịu trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Quang Đ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) của bị cáo L nộp theo biên lai thu số 000477 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được nêu tại phần quyết định của bản án này, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Trả lại cho chị Lâm Thị Tuyết M 01 (một) xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 59P2-824.89 (Vật chứng này hiện nay đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo Quyết định chuyển vật chứng số 1864/QĐ-VKSBH ngày 14/01/2021 và biên bản chuyển vật chứng ngày 28/01/2021).

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ mở khóa xe máy (đoản phá khóa); 01 thanh sắt dài khoảng 30 cm đường kính 1,5cm có 01 đầu được uốn cong và 01 con dao bấm dài 20 cm (Vật chứng này hiện nay đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo theo Quyết định chuyển vật chứng số 1864/QĐ-VKSBH ngày 14/01/2021 và biên bản chuyển vật chứng ngày 28/01/2021);

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu L mỗi bị cáo phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Các bị cáo và người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lâm Thị Tuyết M, bà Nguyễn Thị T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang Đ vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các bị cáo, bị hại;
- Người có quyền LI, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nguyệt

